TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 195/2021/DS-PT Ngày 30-6-2021 V/v tranh chấp thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Chị Ngô Thị H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Chị Ngô Thị L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Chị Ngô Thị Kim T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

4. Chị Ngô Thị Kim T1, sinh năm: 1984.

Người đại diện hợp pháp của chị Ngô Thị Kim T1: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1952.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2018/QĐDS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C).

5. Chị Ngô Thị Bích P, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

6. Chị Ngô Thị Kim L1, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

7. Chị Ngô Thị Hồng Đ, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

2. Chị Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Q: Luật sư Nguyễn Hòa B, Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

4. Ông Ngô Văn T1, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

5. Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ trụ sở: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Huỳnh Văn Quang H - Chủ tịch.

6. Văn phòng Công chứng Lê Văn Đ (Được chuyển đổi từ Phòng Công chứng số X tỉnh Long An).

Địa chỉ trụ sở: Khu dân cư thương mại, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng Lê Văn Đ: Ông Lê Văn Đ, Trưởng Văn phòng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Ngô Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, các nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện trình bày:

Ông Ngô Văn C (tên gọi khác là Ngô Văn T1), sinh năm 1948, đã chết ngày 25/3/2000 và bà Nguyễn Thị Q là vợ chồng, có 09 người con chung gồm: Chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị H, chị Ngô Thị L, anh Ngô Văn T, anh Ngô Văn H, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Kim T1, chị Ngô Thị Kim L1 và chị Ngô Thị Hồng Đ, trong số các người con của ông C và bà Q có chị Ngô Thị Kim T1 bị Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Ngoài ra, ông C và bà Q không có con nuôi hay người con nào khác và cha mẹ của ông C là cụ Ngô Văn T3 và cụ Phạm Thị T đều chết trước ông C. Ông C chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, ông C và bà Q tạo lập các tài sản bao gồm: Thửa đất số X, diện tích 1.469m^2, loại đất thổ; thửa đất số Y, diện tích 1.885m^2; loại đất lúa và thửa đất số Z, diện tích 1.229m^2; loại đất lúa cùng tờ bản đồ số A, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số IB, vào sổ cấp GCNQSDĐ số XY/QSDĐ/MN-LA ngày 15/10/1996 cho ông Ngô Văn C đứng tên và một căn nhà cấp 4 cất trên thửa đất số X.

Ngày 07/9/2005, bà Q cùng anh H, chị H và anh T lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thửa đất số Y, X và thửa Z nêu trên tại Phòng Công chứng số X, tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Lê Văn Đ) có nội dung xác nhận ông C và bà Q chỉ có 03 người con chung là anh H, chị H và anh T; với thỏa thuận bà Q, chị H và anh T đồng ý nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế đối với di sản của ông C cho anh H, đồng thời bà Q tặng cho ½ tài sản trong khối tài sản chung với ông C cho anh H toàn quyền sử dụng và định đoạt các thửa đất X, Z và Y. Ngày 18/4/2006, anh Ngô Văn H được UBND huyện C cấp các GCNQSDĐ số: AĐA, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: HI đối với thửa X, diện tích 1.469m^2, loại đất ở tại nông thôn và GCNQSDĐ số: AĐB, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: HU đối với thửa Y, diện tích 1.885m^2, loại đất trồng lúa, cùng tờ bản đồ số A, tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện C. Vào năm 2016, bà Q tặng cho quyền sử dụng một phần thửa đất số X cho anh Ngô Văn T, thủ tục do anh H thực hiện, được tách thành thửa đất số T, diện tích 170m^2, tờ bản đồ số A, loại đất ở tại nông thôn, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp GCNQSDĐ số CEC, số vào sổ cấp GCN: CSM tọa lạc tại Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 12/9/2016 nên diện tích còn lại của thửa X là 1.299m^2. Đối với thửa Z thì bà Quít đã chuyển nhượng cho người khác.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 17ML-2020 và Mảnh trích đo địa chính số 18ML-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất H lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C duyệt cùng ngày 04/5/2020 (Sau đây gọi tắt là Mảnh trích đo địa chính ngày 04/5/2020). Theo Chứng thư của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá M ngày 16/9/2020 thì thửa đất số X, có diện tích đo đạc thực tế là 1385.1m^2, loại đất thổ; được định giá là 4.407.388.000 đồng và căn nhà cất trên thửa X (vị trí khu F; nhà 1 + 2) có giá trị là 48.027.000đồng; thửa đất số Y, có diện

tích đo đạc thực tế là 1832.9m^2; loại đất lúa; được định giá là 2.153.658.000đồng. Tổng giá trị được định giá thành tiền là 6.609.073.000đồng.

Chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Bích P hoàn toàn không biết việc bà Q cùng chị H, anh T và anh H ký Văn bản phân chia thừa kế ngày 07/9/2005. Các chị cũng thừa nhận bà Q là người không biết chữ nên văn bản thoả thuận nêu trên không thể hiện đúng ý chí của bà Q. Hiện tại anh Ngô Văn H cùng vợ là chị Nguyễn Thị Xuân T2 đang quản lý, sử dụng một phần của thửa đất số X có căn nhà cất trên đất do ông C và bà Q tạo lập theo Mảnh trích đo địa chính ngày 04/5/2020 thì có vị trí nhà 1, 2, 3, 4 thuộc khu C. Bà Q cùng chị T1 đang sống trong căn nhà tình thương do Ủy ban nhân dân xã hỗ trợ tiền cất nhà có vị trí số 5,6,7 thuộc khu B. Do chị Ngô Thị Kim T1 bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 04/2018/QĐDS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C nên các đồng nguyên đơn xác định không tranh chấp căn nhà tình thương nêu trên vì đây là tài sản riêng của chị T1. Đối với thửa đất số Z bà Q đã chuyển nhượng cho người khác và thửa đất số T (tách từ thửa đất số X) các đồng nguyên đơn xác định cũng không tranh chấp trong vụ kiện này.

Đối với thửa đất số Y thì sau khi ông C chết, bà Q trực tiếp sử dụng cho đến năm 2016, bà Q cho ông Ngô Văn T1 thuê sử dụng cho đến nay. Anh H chỉ sử dụng quản lý đất trong khuôn viên căn nhà đang ở, các phần đất còn lại do bà Q trực tiếp quản lý sử dụng, vợ chồng anh H cũng không có tu bổ, sửa chữa hay đóng góp công sức gì vào khối tài sản của ông C, bà Q để lại. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vợ chồng anh H có san lấp đất và cát tại vị trí khu F, G, H, vợ chồng anh H biết đất đang tranh chấp nhưng vẫn san lấp nên các đồng nguyên đơn không đồng ý bồi thường nếu anh H có yêu cầu. Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng ngày 07/9/2005 của Phòng Công chứng số X huyện C, tỉnh Long An (Văn phòng công chứng Lê Văn Đ).

2. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐA, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: HI đối với thửa đất số X, diện tích còn lại 1.299m^2, loại đất ONT và GCNQSDĐ số AĐB đối với thửa đất số Y, loại đất lúa, diện tích 1.885m^2, cùng tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, do UBND huyện C cấp cho anh H đứng tên cùng ngày 18/4/2006.

3. Do 02 thửa đất trên là tài sản chung của ông C và bà Q tạo lập nên các đồng nguyên đơn đồng ý để bà Q được sở hữu ½ tài sản là thửa đất số X, Y và ½ giá trị căn nhà; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông C chết để lại gồm nhà thuộc khu F (nhà 1,2) và đất nêu trên; chia đều cho 08 người con của ông C và 01 phần cho bà Q (trừ anh T do anh T đã được chia thửa đất số T). Trong quá trình Tòa án giải quyết các đồng nguyên đơn yêu cầu chia quyền sử dụng đất nhưng tại phiên toà các đồng nguyên đơn đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất và nhà được chia.

Nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị thống nhất về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế như các đồng nguyên đơn đã trình bày, chị thừa nhận chữ ký trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản

thừa kế công chứng ngày 07/9/2005 là chữ ký của chị vì chị là người biết đọc biết viết chữ, còn bà Q là người không biết. Do thiếu hiểu biết về pháp luật nên bà Q và các anh chị em đã khai không đầy đủ những người thừa kế của ông C vì mục đích ký tên trong văn bản phân chia là để anh H đại diện tạm đứng tên các quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất thuận tiện trong việc quản lý tài sản và có trách nhiệm chăm lo cho chị T1, chăm sóc bà Q, cúng giỗ ông bà. Ngoài ra, anh H hứa sẽ cắt chia cho chị H và anh T mỗi người một phần đất nhưng sau đó anh H không thực hiện với chị mà còn đối xử bạc đãi với bà Q. Khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chị không có đọc lại nội dung và cũng không được Công chứng viên thông qua nên không biết nội dung trong văn bản là cho anh H được toàn quyền định đoạt các thửa đất Z, X và Y. Chị H thống nhất với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế như các đồng nguyên đơn trình bày và yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Ngô Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với trình bày của các đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, tài sản của ông C và bà Q tạo lập, di sản của ông C chết để lại. Ngày 07/9/2005 bà Q cùng chị H, anh T và anh H có đến Phòng Công chứng số X huyện C, tỉnh Long An để công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung nhường toàn bộ các thửa đất X, Y và Z cho anh H được toàn quyền định đoạt. Anh H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên cùng ngày 18/4/2006. Tuy nhiên khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 07/9/2005 anh H không khai các chị em ruột còn lại là chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Kim T1 vì lúc này bà Q cho rằng những người này còn nhỏ, chưa đủ tuổi nên để bà Q đại diện ký tên thay nhưng trong văn bản phân chia thì không thể hiện nội dung này. Anh H thừa nhận bà Q là người không biết chữ nên khi công chứng chỉ lăn tay nhưng nội dung công chứng thể hiện đúng ý chí của bà Q. Văn bản phân chia này còn được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã một tháng nên không thể nói các đồng nguyên đơn không biết. Mặt dù không khai các người con còn lại nhưng việc thỏa thuận cho anh H đứng tên các thửa đất nêu trên thì mọi người trong gia đình đều biết.

Hiện tại trên thửa đất số X có hai căn nhà, gồm: 01 căn nhà vợ chồng anh H đang ở do ông C và bà Q tạo lập nên anh H yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng và 01 căn nhà tình thương do bà Q và chị T1 đang ở thì anh không tranh chấp gì đối với căn nhà tình thương mà để cho chị T1 và bà Q được tiếp tục sử dụng. Đối với thửa đất số T đã tách cho anh T đứng tên quyền sử dụng đất nên đồng ý để anh T tiếp tục quản lý, sử dụng và thửa đất số Z anh H đã chuyển nhượng vào năm 2008 để lấy tiền điều trị bệnh cho bà Q nên anh H cũng không tranh chấp gì đối với các thửa đất này. Quá trình sử dụng căn nhà, anh H có thay mới tole, thiếc, thay cửa cây và san lấp ao nhưng anh H xác định không tranh chấp và cũng không yêu cầu gì công sức đóng góp gìn giữ trong khối tài sản nêu trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Q là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số Y, bà Q cho ông Ngô Văn T1 thuê đất canh tác từ năm 2016 cho đến nay, anh H không có sử dụng thửa đất này. Anh đồng ý cho bà Q tiếp tục cho thuê đất để lấy tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh không tranh chấp gì về tiền thuê đất. Anh đồng ý giá theo

Chứng thư của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá M ngày 16/9/2020 là giá trị nhà và đất do ông C và bà Quít tạo lập.

Qua yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn và bà Q thì anh H không đồng ý bởi vì trước đây bà Q đã đại diện cho các người con còn lại ký tên chia đất cho anh H. Bà Q ký tên trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 07/9/2005 là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện đúng ý chí của bà Q, văn bản đã được công chứng hợp pháp. Mặt khác, anh H không đồng ý chia thừa kế vì di sản của ông C để lại còn một thửa đất khác nhưng hiện nay anh T đã tự đi đăng ký kê khai đứng tên, anh có yêu cầu chia thừa kế thửa đất này nhưng hiện tại anh chưa làm thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật. Anh H xác định hiện tại anh là người giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa X và Y nêu trên, anh không chuyển nhượng, cầm cố thế chấp hay thực hiện bất cứ giao dịch nào nhưng đây là tài sản hợp pháp của anh nên anh không đồng ý nộp bất cứ giấy tờ này cho ai.

Trong đơn khởi kiện độc lập ngày 24 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà là vợ của ông C, bà Q thống nhất với trình bày của các đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, tài sản của bà và ông C tạo lập. Sau khi ông C chết thì vào khoảng năm 2005 bà Q cùng anh H, chị H và anh T có đến Phòng Công chứng số X huyện C, tỉnh Long An để công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với mục đích cho anh H tạm đứng tên các thửa đất X, Y và Z để sau này chia lại cho các chị em khác mà anh H không được toàn quyền định đoạt vì tài sản này là tài sản do bà và ông C tạo lập nên bà là người có toàn quyền quyết định. Do bà không biết chữ và không hiểu biết pháp luật nên mọi thủ tục do anh H khai và bà Q chỉ điểm chỉ nên không có việc bà tự đọc văn bản công chứng, bà cũng không có đại diện cho các người con còn lại ký tên phân chia di sản. Sau này, do anh H ngược đãi bà và các anh chị em mâu thuẫn nhau thì anh H mới thừa nhận mình đã đứng tên toàn bộ các thửa đất nêu trên nên bà mới biết. Vì vậy văn bản phân chia không thể hiện đúng ý chí nguyện vọng của bà nên không hợp pháp.

Trên thửa đất X có hai căn nhà gồm: căn nhà của bà và ông C tạo lập hiện vợ chồng anh H đang ở và một căn nhà tình thương do Nhà nước hỗ trợ tiền để xây dựng vì chị T1 bị mất năng lực hành vi dân sự.

Các thửa đất nêu trên đều do bà trực tiếp quản lý, sử dụng, cụ thể: Thửa đất số Z bà đã bán để sửa nhà; thửa đất số X bà đã chia cho anh T một phần diện tích 170m^2 và anh T đã được đứng tên quyền sử dụng đất, thửa đất số Y bà cho ông Ngô Văn T1 thuê sử dụng từ năm 2016 cho đến nay. Vợ chồng anh H chỉ sử dụng đất trong khuôn viên căn nhà đang ở, phần đất xung quanh anh H bỏ trống không sử dụng. Trong quá trình sử dụng bà và vợ chồng anh H cũng không tu bổ, sửa chữa hay đóng góp công sức gìn giữ đối với tài sản nêu trên nên bà Q xác định không tranh chấp gì các phần đất đã cho và chuyển nhượng cũng như công sức đóng góp. Trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp anh H tự ý san lấp ao nên bà không đồng ý bồi thường nếu anh H có yêu cầu. Bà thống nhất với các yêu cầu khởi kiện và phương thức chia thừa kế của các đồng nguyên đơn. Bà Q yêu cầu cụ thể như sau:

1. Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng ngày 07/9/2005 của Phòng Công chứng số X huyện C, tỉnh Long An (Văn phòng công chứng Lê Văn Đ).

2. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐA, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: HI đối với thửa đất số X, diện tích còn lại 1.299m^2, loại đất ONT và GCNQSDĐ số AĐB đối với thửa đất số Y, loại đất lúa, diện tích 1.885m^2, cùng tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An, do UBND huyện C cấp cho anh H đứng tên cùng ngày 18/4/2006.

3. Yêu cầu anh H trả lại cho bà Q ½ tài sản là thửa đất số X, Y và ½ giá trị căn nhà; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông C chết để lại gồm nhà thuộc khu F (nhà 1,2) và đất nêu trên; chia đều cho 08 người con của ông C và 01 phần cho bà Q (trừ anh T do anh T đã được chia thửa đất số T) để bà Q đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất. Bà đồng ý để cho anh H tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà do bà và ông C tạo lập, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng căn nhà tình thương để bà ở và chăm sóc chị T1. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân T2 trình bày:

Chị là vợ của anh Ngô Văn H, sống cùng với anh H trong căn nhà của ông C bà Q xây dựng. Di sản các bên tranh chấp với nhau là di sản thừa kế của ông C để lại cho anh H và là tài sản do bà Q và ông C tạo lập. Vào năm 2005 bà Q cùng anh H, chị H, anh T tặng cho các thửa đất Z, Y, X cho anh H, chị thừa nhận bà Q không biết chữ nhưng văn bản đã được công chứng hợp pháp nên anh H có toàn quyền quyết định. Trong quá trình chung sống chị và anh H có sửa chữa, tu bổ căn nhà cất trên thửa đất số X và san lấp ao, chị T2 chỉ sử dụng chứ không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản nêu trên nên chị T2 không yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 07/9/2005 bà Q cùng chị H, anh H và anh T có đến Phòng Công chứng số X huyện C, tỉnh Long An để công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung nhường toàn bộ các thửa đất X, Y và Z cho anh H được toàn quyền định đoạt. Khi công chứng anh T không khai những người còn lại là do không hiểu biết pháp luật và mục đích ký là đồng ý cho anh H tạm đứng tên toàn bộ các thửa đất trên để anh H thuận tiện trong việc sử dụng, làm các thủ tục giấy tờ khi cần thiết vì bà Q không biết chữ, anh H có nghĩa vụ chăm sóc bà Q và cúng giỗ ông bà, đồng thời anh H sẽ cắt chia cho anh T và chị H mỗi người một phần đất. Sau đó, anh H có làm thủ tục chia cho anh 170m^2 được tách từ thửa X do bà Q trực tiếp cho và anh T đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Do anh T đã được chia đất xem như đã nhận xong phần di sản thừa kế của mình được hưởng, nếu phần anh được chia ít hơn phần di sản được nhận theo quy định pháp luật thì phần diện tích còn lại anh đồng ý để cho anh H tiếp tục quản lý sử dụng mà anh không tranh chấp.

Các thửa đất nêu trên do bà Q trực tiếp sử dụng, anh H chỉ sử dụng trong khuôn viên nhà thờ của ba mẹ tạo lập. Anh H cũng không có san lấp, tu bổ, sửa chữa hay đóng góp công sức gì đối với căn nhà thờ và hai thửa đất nêu trên nên anh H phải có trách nhiệm trả lại tài sản cho bà Q, chia thừa kế theo pháp luật cho các

chị em còn lại và bà Q phần di sản của ông C để lại. Anh T cũng không tranh chấp hai căn nhà cất trên thửa X. Do bận công việc nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông T1 là em ruột của ông Ngô Văn C. Năm 2016, bà Q có cho ông T1 thuê thửa đất số Y do anh Ngô Văn H đứng tên GCNQSDĐ và thỏa thuận khi nào bà Q cần thì ông T1 trả đất. Qua yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn và bà Q, ông T1 đồng ý trả lại thửa đất số Y để chia thừa kế. Ông T1 không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này. Do bận công việc ông T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Trong văn bản số 39/CV-VPCCLVĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Lê Văn Đ trình bày:

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Phòng Công chứng số X, tỉnh Long An, nay chuyển đổi thành Văn phòng Công chứng Lê Văn Đ chứng nhận ngày 07/9/2005, được công chứng viên Phòng Công chứng tiếp nhận và chứng nhận đúng theo trình tự, thủ tục công chứng theo Điều 35, Điều 36 Luật Công chứng năm 2006. Công chứng viên thụ lý đã kiểm tra tính hợp lệ các giấy tờ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ tùy thân và các giấy tờ khác có liên quan, kiểm tra năng lực hành vi dân sự của các bên và các bên đọc nội dung văn bản, đồng ý toàn bộ nội dung trong văn bản, ký vào văn bản trước sự chứng kiến của công chứng viên. Việc đương sự yêu cầu hủy bỏ Văn bản thừa kế theo khoản 1 Điều 51 của Luật công chứng 2014 thì "*Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó*". Vì bận công việc nên Văn phòng Công chứng Lê Văn Đ xin được vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, do ông Phan Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện C xét xử theo luật định. Do bận công tác nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271 và Điều Y của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 645; 681 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 623, 688; 656 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Q hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 1215, quyển số 03TP/CC-SCC/TK, do Phòng Công chứng số X tỉnh Long An lập ngày 07/9/2005.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện. Mỗi người được chia thừa kế quyền sử dụng đất có giá trị là: 364.502.500đồng. Do chị Ngô Thị Kim T1 mất năng lực hành vi dân sự, bà Q là người đại diện theo pháp luật nên phần di sản chị T1 được hưởng giao cho bà Q quản lý.

3. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản là nhà và quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông C chết để lại, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Q được tiếp tục sử dụng diện tích 1.014,5m^2, thuộc một phần thửa đất số X, tờ bản đồ số A, loại đất thổ cùng tài sản trên đất (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 27/7/2020 thuộc khu A, B, C, D, E, J) và quyền sử dụng đất có diện tích 1.832,9m^2, thuộc thửa đất số Y, tờ bản đồ số A, loại đất lúa cùng tọa lạc tại xã M, huyện C (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 04/5/2020 thuộc khu A, B) do Chi nhánh Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 29/4/2020, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C duyệt ngày 04/5/2020 và ngày 27/7/2020.

Anh Ngô Văn H được tiếp tục sử dụng diện tích 370,6m^2, thuộc một phần thửa đất số X, tờ bản đồ số A, loại đất thổ và căn nhà có trên đất (phần thừa kế của các đồng nguyên đơn không yêu cầu chia tạm giao cho anh H tiếp tục quản lý, sử dụng). Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 27/7/2020 thuộc khu F, G, H, I. Do Chi nhánh Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 29/4/2020, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C duyệt ngày 04/5/2020 và ngày 27/7/2020.

Bà Nguyễn Thị Q hoàn lại cho chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P và chị Ngô Thị Kim L1 mỗi người 364.502.500đồng và hoàn lại cho chị Ngô Thị Hồng Đ 39.465.500đồng.

Anh Ngô Văn H hoàn lại cho chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện 364.502.500đồng và hoàn lại cho chị Ngô Thị Hồng Đ 325.037.000đồng.

Bà Q có nghĩa vụ hoàn lại cho anh H số tiền 239.289.000đồng (thửa đất lúa Y anh H được chia) và anh H có nghĩa vụ giao lại cho bà Q (giá trị nhà được chia) là số tiền 26.681.500đồng.

Bà Nguyễn Thị Q và anh Ngô Văn H có quyền và trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý cập nhật biến động và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số X, diện tích 1.385,1m^2, tờ bản đồ số A, loại đất thổ và quyền sử dụng đất thửa số Y, diện tích 1.832,9m^2, tờ bản đồ số A, loại đất lúa cùng tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của chị Ngô Thị H đối với ½ di sản của ông Ngô Văn C để lại.

5. Không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện và bà Nguyễn Thị Q hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/4/2006 cho anh H đứng tên 02 thửa đất X và Y.

6. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chị Ngô Thị L phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000564 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị L phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Kim L1 phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L1 đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000567 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Kim L1 phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Bích P phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000566 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Bích P phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Hồng Đ phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000565 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Hồng Đ phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Kim T phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000563 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Kim T phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện theo pháp luật là người mất năng lực hành vi dân sự và bà Q có đơn xin miễn án phí nên chị T1 thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm tạm ứng án phí và án phí nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Chị Ngô Thị H không được chấp nhận yêu cầu chia thừa kế nên không phải chịu án phí.

- Anh Ngô Văn H phải chịu 33.267.000đồng án phí chia di sản thừa kế và phải chịu 300.000đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu được chấp nhận. Tổng cộng án phí anh H phải chịu là 33.567.000đồng.

Hoàn trả cho chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị H, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0000560 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Về lệ phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp là: 46.400.000đồng, chị Ngô Thị L đã nộp tạm ứng 31.400.000đồng; chị Ngô Thị Bích P đã nộp tạm ứng 15.000.000 đồng. Các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện mỗi người phải chịu 2.559.000đồng và chịu 131.000đồng (mỗi người chịu 18.700đồng) chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản do yêu cầu chia thừa kế căn nhà nhưng không thực hiện khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu lệ phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 25.778.000đồng. Anh H phải chịu lệ phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 5.137.000đồng.

Chị L và chị P đã nộp xong, các hàng thừa kế còn lại phải nộp để hoàn trả cho chị L và chị P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 3 năm 2021, bị đơn anh Ngô Văn H làm đơn kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu được nhận nhà và các thửa đất số X, Y thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Q do bà Q đã đồng ý tặng cho bằng văn bản thỏa thuận ngày 07/9/2005; yêu cầu bà Q và các nguyên đơn thanh toán lại chi phí sửa chữa nhà và san lấp nền 143.000.000đồng; yêu cầu được tính công sức gìn giữ tôn tạo tài sản bằng một kỷ phần thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, các nguyên đơn chị Ngô Thị H, Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện, đồng thời bà Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày cho rằng do anh H đối xử không tốt với bà Q nên bà Q cùng các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn anh Ngô Văn H không rút đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nhận toàn bộ phần tài sản riêng của bà Q trong khối tài sản chung với ông C, cùng phần thừa kế mà bà Q được chia từ di sản của ông C. Do không có tiền thối hoàn tài sản chênh lệch cho các thừa kế khác nên anh H yêu cầu được nhận phần diện tích đất trống, không nhận nhà, yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả cho anh H tiền san lấp nền nhà và tiền sửa chữa căn nhà đang ở là 143.000.000đồng, ngoài ra còn yêu cầu nhận tiền công sức bằng một suất thừa kế do anh T được hưởng nhưng đã đồng ý nhường phần thừa kế đó cho anh H.

Luật sư Nguyễn Hòa B phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Q đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ngô Văn H do tại phiên tòa phúc thẩm anh H có yêu cầu kháng cáo vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu như yêu cầu nhận phần di sản thừa kế mà anh T được nhận. Đối với yêu cầu của anh H yêu cầu nhận phần đất ở vị trí khác vị trí đất có căn nhà, yêu cầu được thanh toán chi phí công sức cũng không có cơ sở vì anh H ở trong căn nhà này từ trước đến nay, bà Q sinh sống trong căn nhà tình thương cùng chị T1 nên cần tiếp tục duy trì; bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của bị đơn anh Ngô Văn H trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ngô Văn H thấy rằng:

Yêu cầu kháng cáo của anh H yêu cầu được nhận phần tài sản thuộc sở hữu riêng của bà Q trong khối tài sản chung với ông C cũng như phần thừa kế bà Q được nhận từ di sản của ông C là không có cơ sở vì văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 07/9/2005 bị vô hiệu, các đương sự đều thừa nhận bà Q là người không biết chữ nhưng trong văn bản công chứng lại không có người làm chứng, văn bản này vi phạm Điều 9 của Luật Công chứng năm 2006. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H không đồng ý nhận tài sản là nhà đất đang ở mà yêu cầu nhận phần đất trống khác với lý do là không có tiền thối hoàn lại cho các đồng thừa kế khác cũng là không có cơ sở, vì nếu đối chiếu số tiền anh H thối hoàn cho chị T1, chị Đ và số tiền bà Q thối hoàn cho anh H theo quyết định của bản án sơ thẩm, thì anh H được nhận nhiều hơn.

Đối với yêu cầu của anh H yêu cầu xem xét công sức do san lấp mặt bằng, anh H không cung cấp các hóa đơn chứng từ, tuy nhiên anh H yêu cầu được nhận một phần công sức gìn giữ tài sản bằng một suất thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét phần này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một phần yêu cầu kháng cáo của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ngô Văn H được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn T, Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt, được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Các nguyên đơn chị Ngô Thị H, Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện khởi kiện tranh chấp thừa kế với anh Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu vô hiệu văn bản công chứng, xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung với ông Ngô Văn C đồng thời yêu cầu chia thừa kế. Các đương sự trình bày thống nhất, ba thửa đất số Y, X và Z cùng tờ bản đồ số A có nguồn gốc là tài sản chung của ông C và bà Q, ông C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/10/1996. Vào ngày 07/9/2005 bà Q cùng chị H, anh T, anh H lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông C, văn bản được chứng nhận của Phòng Công chứng số X tỉnh Long An. Trên cơ sở đó, ngày 18/4/2006 anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất. Sau đó anh H đã chuyển

nhượng thửa Z cho người khác và tặng cho 170m^2 đất thuộc một phần thửa X cho anh Ngô Văn T, anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 170m^2 đất tại thửa đất số T tờ bản đồ số A vào ngày 12/9/2016. Các nguyên đơn không đồng ý việc anh H đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất, bà Q cho rằng chỉ cho anh H đứng tên để anh H chia lại tài sản cho các anh chị em, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị H và anh H đã kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn H được nhận phần tài sản riêng của bà Q và phần thừa kế bà Q được nhận từ di sản của ông C thấy rằng:

[4.1] Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 07/9/2005 với nội dung phân chia di sản thừa kế của ông C, trong khi đó ½ tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Q không được đề cập đến trong bất cứ thỏa thuận nào, anh H được cấp quyền sử dụng đất chỉ dựa trên cơ sở văn bản phân chia thừa kế là chưa đủ cơ sở. Mặt khác, văn bản phân chia di sản này chỉ có sự thỏa thuận của bà Q, chị H, anh T và anh H, trong khi các thừa kế còn lại của ông C gồm chị L, chị T1, chị T, chị P, chị L1, chị Đ chưa thể hiện ý kiến, văn bản này là văn bản trái pháp luật không tuân thủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 1995 nên vô hiệu theo Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 1995; ngoài ra còn vi phạm khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực là văn bản có hiệu lực pháp luật vào thời điểm công chứng về người làm chứng khi các đương sự đều thừa nhận bà Q không biết chữ. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm vô hiệu toàn bộ văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ hủy một phần văn bản công chứng, đối với phần từ chối nhận di sản của chị H thì công nhận hiệu lực, cho anh H được nhận phần thừa kế của chị H và chị H không kháng cáo là có lợi cho anh H.

[4.2] Xét về ý chí chủ quan và quá trình sử dụng tài sản thấy rằng: Trong toàn bộ khối tài sản, anh H cùng vợ và các con chỉ sử dụng ngôi nhà cùng phần diện tích đất chung quanh ngôi nhà, toàn bộ các diện tích đất khác thì bà Q vẫn tiếp tục quản lý sử dụng, đối với thửa đất lúa số Y thì bà Q trực tiếp sử dụng sau đó cho ông Ngô Văn T1 thuê cho đến nay, anh H hoàn toàn không sử dụng, sau khi anh H được cấp quyền sử dụng đất đã tặng cho một phần cho anh T và chuyển nhượng toàn bộ thửa Z cho người khác. Việc chuyển dịch quyền này theo ý chí của bà Q, chính bà Q là người đã nhận tiền chuyển nhượng và quyết định việc chi phí số tiền này, điều này cho thấy không có việc bà Q tặng cho phần tài sản thuộc sở hữu của bà Q và phần thừa kế bà Q nhận được từ di sản của ông C cho anh H. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H nhận phần tài sản và phần di sản được hưởng thuộc quyền sở hữu của bà Q.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của anh H yêu cầu được tính công sức hoặc được chia thêm một phần di sản, yêu cầu nhận phần đất trống không có công trình xây dựng trên đất thấy rằng:

Anh H cùng các đương sự thừa nhận anh H đã có công sửa chữa nhà, bồi đắp nền chung quanh căn nhà, tuy nhiên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, anh H không yêu cầu tính công sức, anh H cùng vợ và các con của anh H sinh sống trong căn nhà là tài sản chung của ông C bà Q từ trước đến nay đã ổn định không có nơi ở khác nên Tòa án cấp sơ thẩm chia căn nhà cùng quyền sử dụng đất gắn liền với căn

nhà cho anh H là có căn cứ, các đồng nguyên đơn không yêu cầu chia giá trị nhà vì vậy chưa xem xét đến phần sửa chữa nhà. Đối với phần thừa kế của anh T, anh H đã tặng cho anh T 170m^2 đất vào năm 2016 sau thời điểm mở thừa kế và sau khi anh H được cấp quyền sử dụng các thửa đất, đây là một phần thửa đất X có giá trị là 540.940.000đồng nhiều hơn một suất thừa kế anh T được hưởng và anh H cũng như các đồng thừa kế khác đồng ý việc tặng cho này, không yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho. Như vậy anh H yêu cầu nhận thêm một phần công sức bằng phần di sản của anh T được hưởng là không có cơ sở xem xét.

[6] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H mà cần bác yêu cầu kháng cáo, chấp nhận đề nghị giải quyết vụ án của ông Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Anh H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ngô Văn H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 148, 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 131, 137 Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Q hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 1215, quyển số 03TP/CC-SCC/TK, do Phòng Công chứng số X tỉnh Long An lập ngày 07/9/2005.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ và chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện. Mỗi người được chia thừa kế quyền sử dụng đất có giá trị là: 364.502.500đồng. Do chị Ngô Thị Kim T1 mất năng lực hành vi dân sự, bà Q là người đại diện theo pháp luật nên phần di sản chị T1 được hưởng giao cho bà Q quản lý.

3. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản là nhà và quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông C chết để lại, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Q được tiếp tục sử dụng diện tích 1.014,5m^2, thuộc một phần thửa đất số X, tờ bản đồ số A, loại đất thổ cùng tài sản trên đất (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 24/7/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 27/7/2020 thuộc khu A, B, C, D, E, J) và quyền sử dụng đất có diện tích 1.832,9m^2 thuộc thửa đất số Y, tờ bản đồ số A, loại đất lúa cùng tọa lạc tại xã M, huyện C (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 29/4/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 04/5/2020 thuộc khu A, B).

Anh Ngô Văn H được tiếp tục sử dụng diện tích 370,6m^2, thuộc một phần thửa đất số X, tờ bản đồ số A, loại đất thổ và căn nhà có trên đất (phần thừa kế của các đồng nguyên đơn không yêu cầu chia tạm giao cho anh H tiếp tục quản lý, sử dụng). Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 24/7/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 27/7/2020 thuộc khu F, G, H, I.

Bà Nguyễn Thị Q hoàn lại cho chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P và chị Ngô Thị Kim L1 mỗi người 364.502.500đồng và hoàn lại cho chị Ngô Thị Hồng Đ 39.465.500đồng.

Anh Ngô Văn H hoàn lại cho chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện 364.502.500đồng và hoàn lại cho chị Ngô Thị Hồng Đ 325.037.000đồng.

Bà Q có nghĩa vụ hoàn lại cho anh H số tiền 239.289.000đồng (thửa đất lúa Y anh H được chia) và anh H có nghĩa vụ giao lại cho bà Q (giá trị nhà được chia) là số tiền 26.681.500đồng.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên Môi trường căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của chị Ngô Thị H đối với ½ di sản của ông Ngô Văn C để lại.

5. Không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện và bà Nguyễn Thị Q hủy các giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/4/2006 cho anh H đứng tên 02 thửa đất X và Y.

6. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chị Ngô Thị L phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000564 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị L phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Kim L1 phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L1 đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000567 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Kim L1 phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Bích P phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000566 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Bích P phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Hồng Đ phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000565 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Hồng Đ phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Kim T phải chịu 18.225.000đồng án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 325.000đồng theo biên lai thu số 0000563 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Chị Ngô Thị Kim T phải nộp tiếp 17.900.000đồng.

- Chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện theo pháp luật là người mất năng lực hành vi dân sự và bà Q có đơn xin miễn án phí nên chị T1 thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện theo pháp luật số tiền 325.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000561 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Q.

- Chị Ngô Thị H không được chấp nhận yêu cầu chia thừa kế nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Ngô Thị H số tiền 325.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000562 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

- Anh Ngô Văn H phải chịu 33.267.000đồng án phí chia di sản thừa kế và phải chịu 300.000đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu được chấp nhận. Tổng cộng án phí anh H phải chịu là 33.567.000đồng.

Hoàn trả cho chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị H, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0000560 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Về lệ phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp là: 46.400.000đồng, chị Ngô Thị L đã nộp tạm ứng 31.400.000đồng; chị Ngô Thị Bích P đã nộp tạm ứng 15.000.000đồng. Các đồng nguyên đơn chị Ngô Thị L, chị Ngô Thị Kim T, chị Ngô Thị Bích P, chị Ngô Thị Kim L1, chị Ngô Thị Hồng Đ, chị Ngô Thị Kim T1 do bà Nguyễn Thị Q đại diện mỗi người phải chịu 2.559.000đồng và chịu 131.000đồng (mỗi người chịu 18.700đồng) chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản do yêu cầu chia thừa kế căn nhà nhưng không thực hiện khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu lệ phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 25.778.000đồng. Anh H phải chịu lệ phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 5.137.000đồng.

Chị L và chị P đã nộp xong; chị L1, chị T, chị Đ, chị T1 do bà Q đại diện, bà Q, anh H phải nộp lại để hoàn trả cho chị L và chị P.

7. Về án phí phúc thẩm: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0009587 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C.

8. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga